



chē liàng

车辆

Noun · vehicle

Example Sentences

zhè tiáo lù shàng chē liàng hěn duō

这条路上车辆很多。

There are many vehicles on this road

jiē dào shàng chē liàng chuān liú bù xī

街道上车辆川流不息。

Vehicles flow continuously on the street.

guò mǎ lù shí yào xiǎo xīn chē liàng

过马路时要小心车辆。

Be careful of vehicles when crossing the road.

Trace each character, then write the word on your own.

车	车	车	车	车	车	车													
辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆	辆				
辆	辆	辆																	